



CÔNG TY CP ĐƯỜNG NINH HÒA

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA
NIÊN ĐỘ**

**QUÍ III NĂM TÀI CHÍNH BẮT ĐẦU TỪ NGÀY 01/07/2014 KẾT
THÚC NGÀY 30/06/2015**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG
NINH HÒA**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 31 tháng 03 năm 2015	2 - 5
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ Quý III của năm tài chính bắt đầu từ 01/07/2014 – 30/06/2015.	6 - 7
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ Quý III của năm tài chính bắt đầu từ 01/07/2014 – 30/06/2015	8 - 9
5. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ Quý III của năm tài chính bắt đầu từ 01/07/2014 – 30/06/2015	10- 39

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 kết thúc ngày 30/06/2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Quý III Niên độ 2014 - 2015

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.079.173.892.708	1.110.021.558.423
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	49.053.491.378	22.460.781.583
1. Tiền	111		49.053.491.378	22.460.781.583
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	346.500.000.000	144.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		346.500.000.000	144.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		337.411.986.937	578.457.900.153
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	181.738.885.266	378.527.597.786
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	144.758.698.058	186.904.350.071
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	12.742.700.840	14.493.167.390
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.828.297.227)	(1.467.215.094)
IV. Hàng tồn kho	140		295.529.541.450	356.250.329.801
1. Hàng tồn kho	141	V.6	295.529.541.450	356.250.329.801
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		50.678.872.943	8.852.546.886
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		15.951.440.132	1.384.028.916
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		24.026.251.013	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		1.934.457.989	721.178.400
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.7	8.766.723.809	6.747.339.570

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 kết thúc ngày 30/06/2015

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.086.190.696.522	1.084.906.104.436
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		736.546.806.381	718.862.156.097
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	631.605.969.623	649.420.266.906
<i>Nguyên giá</i>	222		875.190.968.919	844.198.397.791
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(243.584.999.296)	(194.778.130.885)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.9	54.430.650.000	54.903.960.000
<i>Nguyên giá</i>	225		56.797.200.000	56.797.200.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(2.366.550.000)	(1.893.240.000)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	864.258.340	909.711.531
<i>Nguyên giá</i>	228		2.116.807.016	2.038.807.016
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.252.548.676)	(1.129.095.485)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	49.645.928.418	13.628.217.660
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		330.480.026.195	347.954.616.660
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.12	136.378.791.397	238.853.381.862
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	194.101.234.798	109.101.234.798
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		16.114.014.567	13.846.062.977
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	16.023.514.567	13.755.562.977
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		90.500.000	90.500.000
VI. Lợi thế thương mại	269	V.15	3.049.849.379	4.243.268.702
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.165.364.589.230	2.194.927.662.859

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 kết thúc ngày 30/06/2015

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.179.355.591.781	1.189.462.156.385
I. Nợ ngắn hạn	310		999.958.656.883	998.354.637.937
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.16	780.246.617.712	772.672.822.036
2. Phải trả người bán	312	V.17	95.678.107.846	85.897.863.210
3. Người mua trả tiền trước	313		33.186.941.020	1.238.462.969
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.18	10.686.982.268	28.030.623.736
5. Phải trả người lao động	315		17.147.655.942	11.206.535.630
6. Chi phí phải trả	316	V.19	29.325.891.561	31.374.611.725
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.20	29.599.978.367	59.600.371.129
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.21	4.086.482.167	8.333.347.502
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327			
II. Nợ dài hạn	330		179.396.934.898	191.107.518.448
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	61.200.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.22	172.266.723.155	183.962.620.249
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.23	7.130.211.743	7.083.698.199
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		973.207.684.890	959.264.914.046
I. Vốn chủ sở hữu	410		973.207.684.890	959.264.914.046
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.24	607.500.000.000	607.500.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.24	12.165.550.000	12.165.550.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.24	113.768.901.043	111.993.139.098
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.24	19.259.837.210	18.371.956.237
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.24	(1.616.929.007)	(1.616.929.007)
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.24	222.130.325.644	210.851.197.718
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIÊU SÓ	439	V.25	12.801.312.559	46.200.592.428
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.165.364.589.230	2.194.927.662.859

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 kết thúc ngày 30/06/2015.

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		3.103.000	5.487.000
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			-
4. Nợ khó đòi đã xử lý			-
5. Ngoại tệ các loại:			-
Dollar Mỹ (USD)		701.373	10.180,39
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Ninh Hòa, ngày 14 tháng 05 năm 2015

Nguyễn Thị Như Hiếu
Người lập biểuNgô Thị Thu Trang
Kế toán trưởngVõ Thị Thủy Tiên
Giám đốc tài chínhTrần Kim Dũng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 kết thúc ngày 30/06/2015

Mẫu số B 02a - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Đơn vị tính: VND)

Quý III Năm độ 2014 -2015

(Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III		Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay		Năm trước	
			(01/01/2015 - 31/03/2015)	(01/01/2014 - 31/03/2014)	(01/07/2014 - 31/03/2015)	(01/07/2013 - 31/03/2014)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	371.044.829.861	387.635.518.207	863.230.904.866	751.502.022.734
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		363.167.259	-	3.265.462.193	771.590.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	370.681.662.602	387.635.518.207	859.965.442.673	750.730.432.734
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	323.141.957.605	323.542.868.509	721.702.474.539	615.321.002.757
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		47.539.704.997	64.092.649.698	138.262.968.134	135.409.429.977
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	8.482.908.788	10.030.957.382	36.667.327.538	24.243.291.163
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	74.968.174.767	17.650.316.803	106.591.198.341	37.025.949.982
Trong đó: chi phí lãi vay	23		14.450.324.297	17.572.337.020	45.620.526.785	35.855.011.255
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	6.480.162.148	6.179.167.964	17.433.926.300	17.282.083.228
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	19.204.093.149	19.540.623.321	48.112.033.384	44.389.259.400
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(44.629.816.279)	30.753.498.992	2.793.137.647	60.955.428.530
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1.651.555.585	2.830.511.058	7.511.164.158	5.148.898.378
12. Chi phí khác	32	VI.8	1.376.371.373	3.243.746.578	4.011.545.654	5.853.744.831
13. Lợi nhuận khác	40		275.184.212	(413.235.520)	3.499.618.504	(704.846.453)
14. Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên kết, liên doanh	45	VI.9	1.197.364.698	3.432.213.040	8.756.281.268	7.413.248.760
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(43.157.267.369)	33.772.476.512	15.049.037.419	67.663.830.837
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.18	2.992.380.806	3.094.215.329	515.853.272	9.734.755.598

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Qui III của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 kết thúc ngày 30/06/2015

Bảng kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Mẫu số B 02a - DN
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Qui III

Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay (01/01/2015 - 31/03/2015)	Năm trước (01/01/2014 - 31/03/2014)
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(1.386.316.008)	2.956.800.000
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(44.763.332.167)	27.721.461.183
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		19.595.147	3.316.435.027
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		(44.782.927.314)	24.405.026.156
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	(737)	402
			370	808



Ngô Thị Thu Trang
Kế toán trưởng



Võ Thị Thùy Tiên
Giám đốc tài chính




Phạm Kim Dũng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 đến ngày 30/06/2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý III Niên độ 2014 - 2015 (Từ ngày 01/07/2014 đến ngày 31/03/2015)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay (01/07/2014 - 31/03/2015)	Năm trước (01/07/2013 - 31/03/2014)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		15.049.037.419	67.663.830.837
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		23.295.014.624	35.070.170.852
- Các khoản dự phòng	03		361.082.133	(44.812.727)
- Lợi nhuận được chia từ các công ty liên kết	05		(8.756.281.268)	(7.413.248.760)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		31.249.683.700	(22.832.228.965)
- Chi phí lãi vay	06		45.620.526.785	35.855.011.255
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		106.819.063.393	108.298.722.492
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		168.135.747.827	(204.643.844.222)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		60.720.788.351	47.140.370.627
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		126.308.042.643	70.923.024.811
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		31.974.954.699	(12.251.985.036)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(45.620.526.785)	(34.523.481.459)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(72.757.809.763)	(23.350.452.570)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		3.079.825.237	1.349.200.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(16.095.981.393)	(8.174.832.650)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		362.564.104.209	(55.233.278.007)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(67.088.281.886)	(344.886.629.010)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(497.800.000.000)	(295.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		179.500.000.000	58.000.000.000
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		(18.132.798.600)	(28.912.893.461)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		59.652.677.000	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(301.476.018.071)	(587.747.302.431)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 kết thúc ngày 30/06/2015

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay (01/07/2014 - 31/03/2015)	Năm trước (01/07/2013 - 31/03/2014)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	303.548.120.000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1.493.872.600.631	1.608.740.770.450
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.497.994.702.049)	(1.258.308.700.199)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(30.375.000.000)	(45.562.500.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		(34.497.101.418)	608.417.690.251
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		26.590.984.720	(34.562.890.187)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	22.460.781.583	93.752.549.025
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.725.075	384.932
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	49.053.491.378	59.190.043.770

Ninh Hòa, ngày 14 tháng 05 năm 2015

Nguyễn Thị Như Hiếu
Người lập biểuNgô Thị Thu Trang
Kế toán trưởngVõ Thị Thủy Tiên
Giám đốc tài chínhTrần Kim Dũng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 kết thúc ngày 30/06/2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 kết thúc ngày 30/06/2015

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa cho Quý III của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 đến ngày 30/06/2015 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa (công ty mẹ) và công ty con.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn của Công ty mẹ : Công ty cổ phần

2. Lĩnh vực kinh doanh : Sản xuất – chế biến

3. Hoạt động kinh doanh chính trong năm:

- Sản xuất đường từ mía và các sản phẩm phụ;
- Tổ chức thu mua mía cây, đầu tư và phát triển vùng nguyên liệu;
- Thi công xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng;
- Gia công chế tạo cơ khí;
- Mua bán vật tư nông nghiệp, mua bán phân bón;
- Vận tải hàng hóa đường bộ;
- Sản xuất phân bón;
- Kinh doanh dịch vụ kho bãi ;
- Sản xuất và kinh doanh bán điện;
- Kinh doanh bất động sản;
- Chăn nuôi bò thịt giống gốc, vỗ béo bò thịt chất lượng cao; sản xuất cung cấp các giống vật nuôi phục vụ chăn nuôi; sản xuất cung cấp các giống cây trồng phục vụ ngành chăn nuôi; truyền giống, đào tạo, chuyển giao dịch vụ chăn nuôi thú y; trồng mía và các cây công nghiệp khác; kinh doanh bất động sản, kho bãi .

4. Tổng số các công ty con : 04

5. Công ty con được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty Cổ phần Bò Giống Miền Trung	Xã Ninh Sim – Thị Xã Ninh Hòa – Khánh Hòa	62,92%	62,92%
Công ty Cổ phần Mía Đường Phan Rang	Số 160 Bác Ái - Phường Đô Vinh - Tp. Phan Rang - Tháp Chàm - Tỉnh Ninh Thuận	87,54%	87,54%
Công ty TNHH MTV Nhiệt Điện Ninh Hòa	Xã Ninh Xuân – Thị Xã Ninh Hòa- Tỉnh Khánh Hòa	100%	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 kết thúc ngày 30/06/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH Đường Ninh Hòa	Số 1 Đường North Bridge, #21-03 High Street Centre, Singapore 179094	100%	100%

6. Danh sách các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ phần sở hữu</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty Cổ phần Mía Đường Nhiệt Điện Gia Lai	Số 561 Trần Hưng Đạo – Thị xã Ayunpa – Tỉnh Gia Lai	22,56%	22,56%

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 07 và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 2 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính từ ngày 01/07/2015.

2. Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn sử dụng hình thức chứng từ ghi sổ. Công việc ghi sổ kế toán được thực hiện trên phần mềm trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 kết thúc ngày 30/06/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa (công ty mẹ) và công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu chi phí đầu tư thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 kết thúc ngày 30/06/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

4. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại Công ty con. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lợi thế thương mại âm) được ghi nhận ngay vào cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm. Khi ghi nhập các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

5. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

6. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 kết thúc ngày 30/06/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ. Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	10 – 25
Máy móc và thiết bị	03 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05
Gia súc	12

9. Tài sản cố định vô hình

Giá trị quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao trong thời gian sử dụng. Quyền sử dụng đất lâu dài không tính khấu hao.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong thời gian 5 năm.

10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

11. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 kết thúc ngày 30/06/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Đối với chứng khoán không thu thập được giá giao dịch trên thị trường thì không lập dự phòng.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

12. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 48 tháng.

Giá trị còn lại của tài sản cố định

Toàn bộ giá trị còn lại của các tài sản cố định hữu hình và vô hình không thỏa mãn tiêu chuẩn ghi nhận Tài sản cố định theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/2/2013 được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời gian 36 tháng.

Các chi phí khác

Lệ phí trước bạ quyền sử dụng đất, chi phí đền bù giải phóng mặt bằng của diện tích đất 1.500 m² làm nhà chứa bã mía với thời gian phân bổ 25 năm.

13. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

14. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

15. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương bình quân làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 kết thúc ngày 30/06/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

16. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chi tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

17. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

18. Trích lập quỹ

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 kết thúc ngày 30/06/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

20. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

21. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

22. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 kết thúc ngày 30/06/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

23. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 kết thúc ngày 30/06/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại tại tuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Công cụ tài chính phức hợp

Công cụ tài chính phức hợp do Công ty phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phái sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

24. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 kết thúc ngày 30/06/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuận hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

25. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	282.746.952	328.561.978
Tiền gửi ngân hàng	48.770.744.426	22.132.219.605
Cộng	<u>49.053.491.378</u>	<u>22.460.781.583</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Quân Đội	20.000.000.000	20.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Nha Trang	2.000.000.000	2.000.000.000
Ngân hàng TMCP BIDV - CN. Khánh Hòa	35.000.000.000	105.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	164.500.000.000	-
Công ty Cổ phần KCN Thành Thành Công	35.000.000.000	-
Công ty TNHH TM Đầu tư Thuận Thiên	-	17.000.000.000
Công ty CP Khai Thác và quản lý KCN Đặng Huỳnh	90.000.000.000	-
Cộng	<u>346.500.000.000</u>	<u>144.000.000.000</u>

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Thành Thành Công	9.244.224.000	239.282.853.270
Công ty Cổ Phần TM Thành Thành Công	-	57.960.000.000
Công ty Cổ Phần SX - TM Bao Bì Thành Thành Công	-	36.170.870.400
Công ty Cổ Phần Đường Biên Hòa	162.162.302.675	11.886.574.841
Công ty CP Mía Đường Nhiệt Điện - Gia Lai	1.940.000.000	-
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	5.602.253.140	27.651.864.350
Công ty CP Đường Khánh Hòa	254.070.000	-
Các khách hàng khác	2.536.035.451	5.575.434.925
Cộng	<u>181.738.885.266</u>	<u>378.527.597.786</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 kết thúc ngày 30/06/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Giá trị đầu tư cho nông dân từ vụ 2008 đến 2012	2.328.630.537	2.647.663.784
Giá trị đầu tư cho nông dân vụ 2013-2014	726.694.728	3.156.469.262
Giá trị đầu tư cho nông dân vụ 2014-2015	70.998.797.614	146.837.436.423
Giá trị đầu tư cho nông dân vụ 2015-2016	6.532.674.400	-
Cty TNHH TM Đầu Tư Thuận Thiên	58.674.485.888	-
Công Ty CP Cơ Điện Và Xây Lắp Hùng Vương	2.062.597.880	-
Công ty CP Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh	1.214.000.000	29.551.090.000
Trung Tâm Công Nghệ Môi Trường	938.332.303	1.214.000.000
Các nhà cung cấp khác	1.282.484.708	3.497.690.602
Cộng	<u>144.758.698.058</u>	<u>186.904.350.071</u>

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty CP Khai thác và quản lý KCN Đặng Huỳnh	3.566.500.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	3.202.143.057	3.758.650.443
Thu hộ Sửa đường Vận chuyển mía	1.237.672.080	-
Các đối tượng khác	4.736.385.703	10.734.516.947
Cộng	<u>12.742.700.840</u>	<u>14.493.167.390</u>

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	26.142.811.446	12.826.967.735
Công cụ, dụng cụ	379.808.501	354.817.154
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	13.119.135.353	3.976.910.637
Thành phẩm	237.604.316.246	322.899.553.128
Hàng hóa	18.283.469.904	16.192.081.147
Cộng	<u>295.529.541.450</u>	<u>356.250.329.801</u>

7. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	952.675.128	962.639.732
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	7.814.048.681	5.784.699.838
Cộng	<u>8.766.723.809</u>	<u>6.747.339.570</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 kết thúc ngày 30/06/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	<u>Nhà cửa vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải</u>	<u>Dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	76.856.178.903	739.409.164.445	24.010.084.620	3.922.969.823	844.198.397.791
Tăng trong kỳ	8.262.807.996	21.722.706.403	1.128.125.455	727.900.000	31.841.539.854
Chuyển từ XDCB	923.408.725	3.589.337.452	799.090.909	-	5.311.837.086
Phân loại lại	15.157.332.178	(15.157.332.178)	-	-	-
Giảm do thanh lý	(313.200.000)	(2.121.437.680)	(933.642.365)	-	(3.368.280.045)
Giảm khác	(66.212.480)	(2.726.313.287)	-	-	(2.792.525.767)
Số dư cuối kỳ	100.820.315.322	744.716.125.155	25.003.658.619	4.650.869.823	875.190.968.919
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng			-		15.446.063.046
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	22.996.556.675	160.172.338.431	10.083.829.673	1.525.406.106	194.778.130.885
Khấu hao trong kỳ	5.733.251.431	42.780.235.239	2.203.753.544	523.379.752	51.240.619.966
Thanh lý	(310.590.000)	(1.480.956.365)	(695.893.032)	-	(2.487.439.397)
Giảm khác	53.687.842	-	-	-	53.687.842
Số dư cuối kỳ	28.472.905.948	201.471.617.305	11.591.690.185	2.048.785.858	243.584.999.296
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	53.859.622.228	579.236.826.014	13.926.254.947	2.397.563.717	649.420.266.906
Số cuối kỳ	72.347.409.374	543.244.507.850	13.411.968.434	2.602.083.965	631.605.969.623

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

	<u>Máy móc và thiết bị</u>
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	56.797.200.000
Tăng trong kỳ	-
Số dư cuối kỳ	56.797.200.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	1.893.240.000
Khấu hao trong kỳ	473.310.000
Số dư cuối kỳ	2.366.550.000
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	54.903.960.000
Số dư cuối kỳ	54.430.650.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 kết thúc ngày 30/06/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử Dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	1.459.727.082	579.079.934	2.038.807.016
Mua trong kỳ		78.000.000	78.000.000
Số cuối kỳ	1.459.727.082	657.079.934	2.116.807.016
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	808.831.781	320.263.704	1.129.095.485
Khấu hao trong kỳ	16.484.640	106.968.551	123.453.191
Số cuối kỳ	825.316.421	427.232.255	1.252.548.676
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	650.895.301	258.816.230	909.711.531
Số cuối kỳ	634.410.661	229.847.679	864.258.340

Quyền sử dụng đất theo các giấy chứng nhận như sau:

- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất xã Krong Jing-Huyện MaĐrăc-Tỉnh Đắk Lắk (340 m²).
- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất thửa 93, 94, 95, 96 thôn Buôn Lác- Xã Ninh Tây-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa.
- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất thửa 01 thôn Phước Lâm-Xã Ninh Xuân-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa (43.700 m²)

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ này
Số dư đầu kỳ	13.628.217.660
Phát sinh trong kỳ	57.911.889.008
K/c sang TSCĐ	(2.585.523.799)
Điều chỉnh giảm	(18.833.259.959)
Xuất chuyên giao TSCĐ cho Công ty TNHH MTV Nhiệt Điện Ninh Hòa	(475.394.492)
Số dư cuối kỳ	49.645.928.418

12. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Là khoản đầu tư vào Công ty CP Mía Đường Nhiệt Điện Gia Lai với 8.800.000 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ vốn chủ sở hữu là 22,56%, tỷ lệ quyền biểu quyết là 22,56%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 kết thúc ngày 30/06/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**13. Đầu tư dài hạn**

Tên công ty	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Số lượng	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị	Số lượng	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị
Đầu tư dài hạn vào cổ phiếu			25.101.234.798			109.101.234.798
Công ty CP Điện Gia Lai	-	-	-	8.050.000	13,39%	84.000.000.000
Công ty CP Giao dịch hàng hóa Sơn Tín	1.500.000	10%	19.500.000.000	1.500.000	10%	19.500.000.000
Công ty CP Nghiên Cứu Ứng Dụng Thành Thành Công	420.000	14%	4.200.000.000	420.000	14%	4.783.240.000
Công ty CP Đường Biên Hòa	116.648	0,2%	1.401.234.798	116.648	0,4%	817.994.798
Đầu tư dài hạn khác			169.000.000.000			-
Công ty CP Đầu Tư Thành Thành Công			169.000.000.000			-
Cộng			194.101.234.798			109.101.234.798

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Kỳ này
Số đầu năm	13.755.562.977
Tăng trong năm	4.980.900.270
Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	(2.712.948.680)
Số cuối kỳ	16.023.514.567

15. Lợi thế thương mại

	Kỳ này
Nguyên giá	
Số đầu năm	7.956.128.816
Số cuối kỳ	7.956.128.816
Số đã phân bổ	
Số đầu năm	3.712.860.114
Phân bổ trong kỳ	1.193.419.323
Số cuối kỳ	4.906.279.437
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	4.243.268.702
Số cuối kỳ	3.049.849.379

16. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn	738.807.912.512	733.795.321.740
Vay ngắn hạn ngân hàng	738.807.912.512	733.795.321.740
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển - CN Khánh Hòa	120.414.937.945	199.707.561.249
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương- CN Nha Trang	132.740.013.599	132.552.257.824
Ngân hàng TMCP Phương Đông- CN Đắk Lắk	100.000.000.000	50.000.000.000
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	108.500.000.000	38.500.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam-CNI,	-	20.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 kết thúc ngày 30/06/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Tp.HCM</i>		
<i>Ngân hàng TM Chinatrust - CN TP.HCM</i>	21.500.000.000	21.000.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Khánh Hòa</i>	101.418.348.331	77.557.681.782
<i>Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam) CN TP.HCM</i>	22.500.000.000	36.600.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Quốc Tế- CN Khánh Hòa</i>	28.777.719.251	98.977.820.885
<i>Ngân hàng TMCP Đại Dương - CN Nha Trang</i>	-	10.900.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Khánh Hòa</i>	-	15.000.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, CN TP Hồ Chí Minh</i>	38.956.893.386	-
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại Thương- CN Ninh Thuận</i>	12.000.000.000	12.000.000.000
<i>Ngân hàng đầu Tư và Phát Triển Ninh Thuận</i>	52.000.000.000	21.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	41.438.705.200	38.877.500.296
<i>Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)</i>	37.350.955.200	30.604.857.872
<i>Ngân hàng đầu Tư và Phát Triển Ninh Thuận</i>	4.087.750.000	8.272.642.424
Cộng	780.246.617.712	772.672.822.036

Chi tiết phát sinh về các khoản vay như sau:

	Số tiền vay trong			
	<u>Số đầu năm</u>	<u>kỳ</u>	<u>Số đã trả trong kỳ</u>	<u>Số dư cuối kỳ</u>
Vay ngắn hạn	733.795.321.740	1.419.038.805.855	(1.414.026.215.083)	738.807.912.512
Vay ngắn hạn ngân hàng	733.795.321.740	1.379.038.805.855	(1.374.026.215.083)	738.807.912.512
<i>Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển - CN Khánh Hòa</i>	199.707.561.249	229.765.081.106	(309.057.704.410)	120.414.937.945
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại Thương- CN Nha Trang</i>	132.552.257.824	257.483.135.061	(257.295.379.286)	132.740.013.599
<i>Ngân hàng TMCP Phương Đông- CN Đắk Lắk</i>	50.000.000.000	170.000.000.000	(120.000.000.000)	100.000.000.000
<i>Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)</i>	38.500.000.000	128.200.000.000	(58.200.000.000)	108.500.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam- CN1, TP.HCM</i>	20.000.000.000	20.000.000.000	(40.000.000.000)	-
<i>Ngân hàng TM Chinatrust - CN TP.HCM</i>	21.000.000.000	42.500.000.000	(42.000.000.000)	21.500.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Khánh Hòa</i>	77.557.681.782	187.488.553.695	(163.627.887.146)	101.418.348.331
<i>Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam) CN TP.HCM</i>	36.600.000.000	74.544.361.727	(88.644.361.727)	22.500.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Quốc Tế- CN Khánh Hòa</i>	98.977.820.885	43.677.719.251	(113.877.820.885)	28.777.719.251
<i>Ngân hàng TMCP Đại Dương - CN Nha Trang</i>	10.900.000.000	10.900.000.000	(21.800.000.000)	-
<i>Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Khánh Hòa</i>	15.000.000.000		(15.000.000.000)	-
<i>Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, CN TP Hồ Chí Minh</i>	-	55.979.955.015	(17.023.061.629)	38.956.893.386

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 kết thúc ngày 30/06/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Số đầu năm	Số tiền vay trong kỳ	Số đã trả trong kỳ	Số dư cuối kỳ
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại Thương- CN Ninh Thuận</i>	12.000.000.000	36.000.000.000	(36.000.000.000)	12.000.000.000
<i>Ngân hàng đầu Tư và Phát Triển Ninh Thuận</i>	21.000.000.000	122.500.000.000	(91.500.000.000)	52.000.000.000
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	-	40.000.000.000	(40.000.000.000)	-
<i>Công ty CP Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh</i>	-	40.000.000.000	(40.000.000.000)	-
Vay dài hạn đến hạn trả	38.877.500.296	35.570.353.778	(33.009.148.874)	41.438.705.200
<i>Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)</i>	30.604.857.872	31.434.032.566	(24.687.935.238)	37.350.955.200
<i>Ngân hàng đầu Tư và Phát Triển Ninh Thuận</i>	8.272.642.424	2.136.321.212	(6.321.213.636)	4.087.750.000
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại Thương- CN Ninh Thuận</i>	-	2.000.000.000	(2.000.000.000)	-
Cộng	772.672.822.036	1.454.609.159.633	(1.447.035.363.957)	780.246.617.712

17. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Hekou Mingcheng Technology & Tradeco., LTD	24.935.946.122	29.919.992.178
Phải trả tiền mua mía nguyên liệu	31.990.832.865	526.244.400
Phải trả tiền vận chuyển mía	9.928.104.367	-
Phải trả tiền bốc xếp mía	1.611.857.010	-
Công ty TNHH TM - DT Thuận Thiên	-	15.789.857.000
Công ty Cổ phần Điện Lực Khánh Hòa	3.419.277.950	10.722.557.500
Công ty TNHH TM & vận tải Thiên Ân	-	8.203.940.700
Công ty TNHH TM XNK Hà Khánh	-	2.815.588.314
Công ty TNHH Công Nghiệp Trí Tín	-	1.106.627.520
Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Hiệp Thành	4.223.218.000	1.086.368.000
Công ty TNHH TM Hưng Phát Thành	3.598.419.880	-
Công ty TNHH Hồng Nhung	2.473.375.000	-
Premium Transmission Limited	1.022.494.200	-
Công ty TNHH Thập Giải Nhiệt B.K.K.Vina	-	1.774.154.529
Công ty CP SX-TM Bao Bi Thành Thành Công	1.728.773.149	-
Các nhà cung cấp khác	10.745.809.303	13.952.533.069
Cộng	95.678.107.846	85.897.863.210

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 kết thúc ngày 30/06/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	5.033.097.792	44.283.430.072	(41.721.927.937)	7.594.599.927
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	2.106.546.803	(2.106.546.803)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	1.467.946.653	(1.467.946.653)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	22.704.627.826	13.003.117.604	(32.715.364.624)	2.992.380.806
Thuế thu nhập cá nhân	86.801.598	3.149.221.910	(3.215.376.613)	20.646.895
Thuế tài nguyên	491.640	12.557.280	(8.993.280)	4.055.640
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	205.604.880	377.365.960	(507.671.840)	75.299.000
Các loại thuế khác	(248.006.312)	344.838.840	(329.408.341)	(232.575.813)
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	31.028.089	(31.028.089)	-
Cộng	27.782.617.424	64.776.053.211	(82.104.264.180)	10.454.406.455

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế theo phương pháp khấu trừ.

Không chịu thuế: Hoạt động chăn nuôi, trồng trọt.

Thuế suất 5%: Đối với sản phẩm đường, phân bón, mật ri, bùn tro, bã mía, thuốc trừ cỏ.

Thuế suất 10%: Đối với hoạt động gia công cơ khí, điện thương phẩm, sản phẩm và dịch vụ khác.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

19. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí khuyến nông	13.426.609.319	19.741.466.580
Chi phí lãi vay	7.002.877.467	1.771.616.818
Chi phí vận chuyển	1.049.945.447	6.458.846.802
Chi phí sửa chữa lớn	1.500.000.000	-
Phí tư vấn	412.055.555	1.053.725.416
Chi phí khác	5.934.403.773	2.348.956.109
Cộng	29.325.891.561	31.374.611.725

20. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	160.868.384	69.520.300
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	484.689.770	41.008.497
Sở Tài Chính Khánh Hòa - Ứng vốn	20.000.000.000	20.000.000.000
Phải trả tiền cổ tức	2.847.996.800	33.222.996.800

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 kết thúc ngày 30/06/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả tiền đặt cọc, ký cược	1.868.400.000	294.200.000
Tiền lãi phải trả	3.102.627.875	4.329.806.688
Các khoản phải trả khác	1.135.395.538	1.642.838.844
Cộng	<u>29.599.978.367</u>	<u>59.600.371.129</u>

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Quỹ khen thưởng</u>	<u>Quỹ phúc lợi</u>	<u>Quỹ khen thưởng Ban điều hành</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	4.716.854.077	2.581.753.880	1.034.739.545	8.333.347.502
Tăng do trích lập từ lợi nhuận trong kỳ	1.331.821.459	2.351.821.459	394.927.000	4.078.569.918
Điều chỉnh quỹ trong kỳ	-	1.544.672.060	(500.000.000)	1.044.672.060
Chi quỹ trong kỳ	(4.002.596.386)	(4.867.510.927)	(500.000.000)	(9.370.107.313)
Số cuối kỳ	<u>2.046.079.150</u>	<u>1.610.736.472</u>	<u>429.666.545</u>	<u>4.086.482.167</u>

22. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) (a)	93.377.387.869	99.465.787.935
Ngân hàng TM CP Á Châu (b)	46.046.918.112	53.163.260.002
Ngân hàng TMCP Đầu Tư Phát Triển Ninh Thuận (c)	27.813.698.574	24.304.853.712
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - Ninh Thuận (d)	5.028.718.600	7.028.718.600
Cộng	<u>172.266.723.155</u>	<u>183.962.620.249</u>

(a) Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam):

Hợp đồng tín dụng số VNM 130590CM ngày 03 tháng 07 năm 2013; Giá trị vay 12.000.000 USD (Mười hai triệu Đô La Mỹ chẵn); thời hạn rút vốn 18 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; Thời hạn vay 60 tháng; Mục đích vay để tài trợ mua máy móc thiết bị gia tăng công suất từ 4.300Tấn/ngày lên 6.000 Tấn/ngày; Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ; Biện pháp đảm bảo: Trước ngày rút vốn lần đầu theo hợp đồng được Công ty CP Đầu Tư Thành Thành Công bảo lãnh với khoản tiền được bảo lãnh tương đương 12.000.000 USD; Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số VNM 130590 CM/MM2 ngày 03 tháng 07 năm 2013; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số VNM 130590 CM/LH ngày 10 tháng 10 năm 2013; Hợp đồng thế chấp số VNM 130590 CM/MM1 ngày 02 tháng 10 năm 2013.

(b) Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân Hàng Á Châu:

Hợp đồng cho thuê tài chính số 05.04.13/HDCTTC-ĐNH ngày 22 tháng 4 năm 2013; Tài sản cho thuê là 01 Bộ tổ máy Turbine máy phát điện công suất 30.000 KW, Model: 30MW STG, xuất xứ Ấn Độ, mới 100%; Giá trị tài sản cho thuê bằng VND tương đương 2.734.000 USD theo tỷ giá bán USD của Ngân hàng Á Châu tại ngày thanh toán cho bên cung ứng tài sản; Số tiền cho thuê: 54.065.000.000 VND (Năm mươi bốn tỷ không trăm sáu mươi lăm triệu đồng) + 100% phí bảo hiểm. Số tiền cho thuê được giải ngân nhiều lần trong thời hạn tối đa 12 tháng kể từ ngày ký HDCTTC hoặc theo tiến độ được bên thuê chấp thuận bằng văn bản; Giá trị mua lại tài sản là: 162.195.000 VND (Một trăm sáu mươi hai triệu một trăm chín mươi lăm ngàn đồng) và thu một lần khi kết thúc thời hạn cho thuê tài chính hoặc khi HDCTTC được thanh lý; Biện pháp đảm bảo tiền vay là số tiền ký cược của bên thuê: 5.406.500.000 VND (Năm tỷ bốn trăm lẻ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 kết thúc ngày 30/06/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

sáu triệu năm trăm ngàn đồng); Lãi suất cho thuê tài chính: lãi suất trong hạn được qui định theo từng khế ước nhận nợ và được điều chỉnh theo qui định tại HDCTTC; Lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn; Thời hạn cho thuê 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, trong đó thời gian ân hạn vốn gốc 06 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Ngày nhận nợ là ngày Hợp đồng mua bán tài sản giữa bên cung ứng tài sản, Bên cho thuê và Bên thuê hoặc Hợp đồng ủy thác nhập khẩu giữa Bên cho thuê và Bên thuê có hiệu lực theo pháp luật. Thanh toán tiền thuê tài chính: Nợ gốc tiền thuê tài chính định kỳ hàng quý theo dư nợ thực tế, trả sau thời gian ân hạn vốn gốc, số tiền trả nợ hàng quý định kỳ mỗi năm theo tỷ lệ như sau:

Lần	Ngày trả nợ	Tỷ lệ trả nợ vốn gốc
1	20/03	15%
2	20/06	35%
3	20/09	35%
4	20/12	15%

(c) *Ngân hàng Đầu Tư và Phát Triển Ninh Thuận:*

Hợp đồng tín dụng số 03/2014/661136/HĐTD ngày 22/12/2014; Giá trị vay: 6.874.000.000đ (Sáu tỷ, tám trăm bảy mươi bốn triệu đồng); Thời hạn vay: 60 tháng; Mục đích vay: Đầu tư tài sản cố định năm 2014. Lãi suất cho vay được thỏa thuận trên cơ sở lãi suất điều chuyển của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam tương ứng tương ứng với kỳ hạn vay cộng (+) phí tối thiểu 2,0%/năm. Lãi suất được điều chỉnh 01 năm 04 lần vào ngày 01/01; 01/04; 01/07 và 01/10. Lãi suất cho vay trong hạn hiện hành là 9,5%/năm. Lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Tài sản bảo đảm: Văn phòng làm việc và phân xưởng Đường; Hệ thống xử lý nước thải; Dây chuyền máy móc thiết bị sản xuất Đường; Tài sản hình thành từ vốn vay (tài sản đầu tư năm 2014): Kho đường 1.500m², hệ thống băng tải, bơm cấp lò 40m³/h, bơm tuần hoàn, xe đào bánh xích, Xưởng cơ khí, máy tiện trục ép, Đồng hồ lưu lượng mật rỉ, bơm mật rỉ, cân xe tải 80 tấn, bơm chèo trong 130m³/h, bồn mật rỉ 2.000m³, cân kiểm đường băng tải. Hợp đồng thế chấp số 02/2014/661136/HĐBĐ ngày 22/12/2014.

Hợp đồng tín dụng số 04/661136/2013/HĐTD ngày 30/09/2013; Giá trị vay: 33.298.000.000đ (Ba mươi ba tỷ hai trăm chín mươi tám triệu đồng); Thời hạn vay: 60 tháng. Mục đích vay: Cơ cấu tài chính phần vốn ngắn hạn đã sử dụng để đầu tư Dự án nâng cấp MMTB hoàn thiện và ổn định công suất ép 1.000TMN. Lãi suất tiền vay thỏa thuận do bên cho vay thông báo. Biện pháp đảm bảo tiền vay: Thế chấp toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay của dự án đầu tư hoàn thiện và ổn định CS ép 1.000TMN. Hợp đồng thế chấp số 02/661136/2013/HĐTC ngày 25/09/2013.

Hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐTDTH ngày 12/09/2012; Giá trị vay: 4.900.000.000đ (Bốn tỷ chín trăm triệu đồng); Thời hạn vay: 60 tháng. Mục đích vay: Đầu tư nâng cấp TSCĐ 2012. Lãi suất tiền vay thỏa thuận do bên cho vay thông báo. Biện pháp đảm bảo tiền vay: Thế chấp toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay của dự án đầu tư nâng cấp TSCĐ 2012. Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi SXKD bằng VND và ngoại tệ của Bên vay tại ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác. Các khoản thu theo các HĐKT được ký kết giữa Bên vay và đối tác khác mà Bên vay là người thụ hưởng. Hợp đồng thế chấp số 01/661136/2013/HĐTC ngày 25/04/2013 (do định giá lại TS thế chấp).

Hợp đồng tín dụng số 001/2010/HĐTDDH ngày 30/07/2010; Giá trị vay: 7.106.500.000đ (Bảy tỷ một trăm lẻ sáu triệu năm trăm ngàn đồng); Thời hạn vay: 84 tháng. Mục đích vay: Đầu tư dự án thiết bị năng lượng: Lò hơi và máy turbo phát điện. Lãi suất tiền vay: lãi suất thả nổi bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả lãi sau +3,5%/năm (phí ngân hàng) được điều chỉnh hàng năm 4 lần vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07, 01/10. Biện pháp đảm bảo tiền vay: Thế chấp toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay của dự án đầu tư. Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi SXKD bằng VND và

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 kết thúc ngày 30/06/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

ngoại tệ của Bên vay tại ngân hàng. Hợp đồng thế chấp số 01TCVV/2010/HĐTC ngày 30/07/2010.

Hợp đồng tín dụng số 002/2010/HĐTDDH ngày 30/07/2010; Giá trị vay: 7.500.000.000đ (Bảy tỷ năm trăm triệu đồng); Thời hạn vay: 84 tháng. Mục đích vay: Đầu tư dự án thiết bị công nghệ nâng công suất nhà máy 1.000TMN. Lãi suất tiền vay: lãi suất thả nổi bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả lãi sau +3,5%/năm (phí ngân hàng) được điều chỉnh hàng năm 4 lần vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07, 01/10. Biện pháp đảm bảo tiền vay: Thế chấp toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay của dự án đầu tư. Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi SXKD bằng VND và ngoại tệ của Bên vay tại ngân hàng. Hợp đồng thế chấp số 01TCVV/2010/HĐTC ngày 30/07/2010.

(d) *Ngân hàng TMCP Ngoại Thương – CN Ninh Thuận:*

Hợp đồng số 0066/NTH/13CD ngày 27/6/2013; Giá trị vay 10.000.000.000 VND (Mười tỷ đồng); thời hạn vay 60 tháng; Mục đích vay để đầu tư dự án hoàn thiện và ổn định công suất ép 1.400 TMN trong năm 2013 của Công ty CP Mía Đường Phan Rang; Lãi suất theo thông báo của Ngân hàng; Biện pháp đảm bảo: Thế chấp toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay của dự án, hợp đồng thế chấp số 0068/2013/VCB.NTH ngày 27/6/2013 và 0075/2013/VCB. NTH ngày 27/6/2013.

23. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế thu nhập hoãn lại:		
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	7.130.211.743	7.083.698.199
Cộng	7.130.211.743	7.083.698.199

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quy III của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 kết thúc ngày 30/06/2015
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

24. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/07/2013	303.750.000.000	12.334.430.000	106.796.342.738	14.387.252.506	(1.616.929.007)	173.629.528.659	609.280.624.896
Tăng khác	303.750.000.000	(201.880.000)	-	-	-	-	303.548.120.000
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	68.626.121.224	68.626.121.224
Hoàn nhập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-
Phân bổ vào các quỹ	-	-	2.528.822.378	1.212.092.628	-	(29.859.158.644)	(26.118.243.638)
Điều chỉnh	-	-	(104.637.121)	-	-	6.315.533.223	6.210.896.102
Cổ tức	-	-	-	-	-	(45.562.500.000)	(45.562.500.000)
Số dư tại ngày 31/03/2014	607.500.000.000	12.132.550.000	109.220.527.995	15.599.345.134	(1.616.929.007)	173.149.524.462	915.985.018.584
Số dư tại ngày 01/07/2014	607.500.000.000	12.165.550.000	111.993.139.098	18.371.956.237	(1.616.929.007)	210.851.197.718	959.264.914.046
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	22.471.315.282	22.471.315.282
Phân bổ vào các quỹ	-	-	1.775.761.945	887.880.973	-	(2.663.642.918)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(3.578.569.918)	(3.578.569.918)
Điều chỉnh giảm	-	-	-	-	-	(4.949.974.520)	(4.949.974.520)
Số dư tại ngày 31/03/2015	607.500.000.000	12.165.550.000	113.768.901.043	19.259.837.210	(1.616.929.007)	222.130.325.644	973.207.684.890

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

25. Lợi ích cổ đông thiểu số

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông thiểu số trong giá trị tài sản thuần của công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông thiểu số như sau:

	<u>Kỳ này</u>
Số đầu năm	46.200.592.428
Lãi lỗ trong kỳ	(5.212.012.664)
Ảnh hưởng của việc suy giảm lợi ích cổ đông thiểu số	(28.187.267.205)
Số dư cuối kỳ	<u>12.801.312.559</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Kỳ này</u> <u>(01/01 - 31/03/2015)</u>	<u>Cùng kỳ năm</u> <u>trước</u> <u>(01/01 - 31/03/2014)</u>
Tổng doanh thu		
Doanh thu đường RS	319.673.426.922	333.080.026.594
Doanh thu mật ri	28.317.092.293	38.831.087.086
Doanh thu bún, tro, bã mía	4.150.799.033	3.987.992.671
Doanh thu điện thương phẩm	15.259.289.000	7.180.328.359
Doanh thu (phân thuốc, mĩa giống)	3.644.222.613	4.556.083.497
<i>Các khoản giảm trừ doanh thu</i>	(363.167.259)	-
- Giảm giá hàng bán	(13.300.592)	-
- Hàng bán bị trả lại	(349.866.667)	-
Doanh thu thuần	<u>370.681.662.602</u>	<u>387.635.518.207</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Kỳ này</u> <u>(01/01 - 31/03/2015)</u>	<u>Cùng kỳ năm</u> <u>trước</u> <u>(01/01 - 31/03/2014)</u>
Giá vốn đường RS	274.170.003.907	274.906.318.237
Giá vốn mật ri	28.317.092.252	38.831.087.086
Giá vốn bún, tro, bã mía	3.180.207.842	3.676.834.184
Giá vốn điện thương phẩm	12.989.287.039	1.781.399.653
Giá vốn khác	4.485.366.565	4.347.229.349
Cộng	<u>323.141.957.605</u>	<u>323.542.868.509</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 kết thúc ngày 30/06/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ này (01/01 - 31/03/2015)	Cùng kỳ năm trước (01/01 - 31/03/2014)
Lãi tiền gửi ngân hàng	566.019.414	1.916.381.978
Lãi cho vay + ứng trước hợp đồng+thanh toán chậm	6.955.705.500	6.861.969.914
Lãi đầu tư trồng mía	935.335.739	1.126.282.177
Doanh thu từ hoạt động tài chính khác	25.848.135	126.323.313
Cộng	8.482.908.788	10.030.957.382

4. Chi phí tài chính

	Kỳ này (01/01 - 31/03/2015)	Cùng kỳ năm trước (01/01 - 31/03/2014)
Chi phí lãi vay	14.514.439.133	17.572.337.02
Chi phí giao dịch bán chứng khoán	53.196.364.274	-
Chênh lệch tỷ giá	202.568.455	33.909.109
Lãi cho thuê tài chính ACB Leasing	6.301.436.398	-
Chi phí tài chính khác	753.366.507	44.070.674
Cộng	74.968.174.767	17.650.316.803

5. Chi phí bán hàng

	Kỳ này (01/01 - 31/03/2015)	Cùng kỳ năm trước (01/01 - 31/03/2014)
Chi phí nhân viên	833.149.892	747.389.334
Chi phí vận chuyển	5.616.647.036	5.237.534.143
Chi phí khác bằng tiền	30.365.220	194.244.487
Cộng	6.480.162.148	6.179.167.964

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này (01/01 - 31/03/2015)	Cùng kỳ năm trước (01/01 - 31/03/2014)
Chi phí cho nhân viên	10.672.715.556	5.871.669.092
Chi phí vật liệu, dụng cụ quản lý	545.316.215	388.260.731
Chi phí khấu hao tài sản cố định	631.830.008	631.132.646
Chi phí phân bổ lợi thế thương mại	397.806.441	397.806.441
Chi phí khác	6.956.424.929	12.251.754.411
Cộng	19.204.093.149	19.540.623.321

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 kết thúc ngày 30/06/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

7. Thu nhập khác

	Kỳ này (01/01 - 31/03/2015)	Cùng kỳ năm trước (01/01 - 31/03/2014)
Thu thanh lý tài sản	473.553.000	2.500.000.000
Thu phạt vi phạm hợp đồng	443.116.254	28.465.412
Thu nhập từ cho thuê	6.318.182	7.102.545
Thu nhập khác	728.568.149	294.943.101
Cộng	1.651.555.585	2.830.511.058

8. Chi phí khác

	Kỳ này (01/01 - 31/03/2015)	Cùng kỳ năm trước (01/01 - 31/03/2014)
Phạt vi phạm hành chính	1.120.000	2.100.000
Giá trị còn lại của tài sản	515.950.563	3.007.950.890
Chi phí khác	859.300.810	233.695.688
Cộng	1.376.371.373	3.243.746.578

9. Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên kết liên doanh

	Kỳ này (01/01 - 31/03/2015)	Cùng kỳ năm trước (01/01 - 31/03/2014)
Phần lãi hoặc lỗ trong năm	1.197.364.698	3.432.213.040
Cổ tức đã nhận trong năm	-	-
Cộng	1.197.364.698	3.432.213.040

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ này (01/07/2014 - 31/03/2015)	Cùng kỳ năm trước (01/07/2013 - 31/03/2014)
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	22.471.315.282	49.104.137.111
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	22.471.315.282	49.104.137.111
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	60.750.000	60.750.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	370	808

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 kết thúc ngày 30/06/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng trong Công ty.

Các giao dịch giữa Công ty với các Thành viên quản lý chủ chốt bao gồm:

Nội dung giao dịch

Thành viên chủ chốt

Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	Tiền thù lao trong kỳ là 318.500.000 VND, cùng kỳ năm trước là 299.700.000 VND
Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	Tiền lương, thưởng theo quy chế của Công ty. Thu nhập trong kỳ này là 2.561.498.833 VND, cùng kỳ năm trước là 3.230.946.940 VND

2. Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Mía Đường Nhiệt Điện Gia Lai	Công ty liên kết
Công ty CP Đầu Tư Thành Thành Công	Cổ đông lớn sở hữu 45,11% vốn điều lệ

Các giao dịch trọng yếu phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Công ty Cổ phần Đầu Tư Thành Thành Công		
Bán đường thành phẩm, mật ri	27.206.920.866	196.065.327.556
Mua hàng hóa, dịch vụ	316.443.113	166.310.100
Lãi chậm thanh toán, lãi cho vay	5.031.397.224	3.323.663.780
Bán thanh lý tài sản	-	2.090.000.000
Cho vay ngắn hạn	93.500.000.000	131.500.000.000

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015 số dư công nợ của các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu Tư Thành Thành Công	261.946.367.057	243.041.503.713
- Phải thu khách hàng	9.244.224.000	239.282.853.270
- Cho vay ngắn hạn	249.500.000.000	-
- Phải thu khác	3.202.143.057	3.758.650.443
Công ty CP Mía đường Nhiệt Điện Gia Lai	1.940.000.000	1.940.000.000
Cộng nợ phải thu	263.886.367.057	244.981.503.713

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 kết thúc ngày 30/06/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Đầu Tư Thành Thành Công	4.078.509.726	308.906.925
- Phải trả tiền mua hàng hóa cung cấp dịch vụ	348.677.976	308.906.925
- Trả tiền trước về bán hàng hóa	3.729.831.750	-
Cộng nợ phải trả	4.078.509.726	308.906.925

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	<u>Giá trị sổ sách</u>		<u>Giá trị hợp lý</u>	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	49.053.491.378	22.460.781.583	49.053.491.378	22.460.781.583
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	194.101.234.798	109.101.234.798	194.101.234.798	109.101.234.798
Phải thu khách hàng	181.738.885.266	378.527.597.786	181.738.885.266	378.527.597.786
Các khoản phải thu khác	19.681.127.422	19.773.291.866	19.681.127.422	19.773.291.866
Cộng	791.074.738.864	673.862.906.033	791.074.738.864	673.862.906.033
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	952.513.340.867	956.635.442.285	952.513.340.867	956.635.442.285
Phải trả cho người bán	85.678.107.846	85.897.863.210	85.678.107.846	85.897.863.210
Các khoản phải trả khác	70.915.976.763	102.122.456.184	70.915.976.763	102.122.456.184
Cộng	1.109.107.425.476	1.144.655.761.679	1.109.107.425.476	1.144.655.761.679

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

4. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng. Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 kết thúc ngày 30/06/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản thế chấp	Giá trị sổ sách	Điều khoản và điều kiện thế chấp
Số cuối kỳ		
Hàng tồn kho	237.604.316.246	
Cổ phiếu	183.954.664.755	
Tài sản cố định hữu hình	10.049.352.287	
Cộng	431.608.333.288	
Số đầu năm		
Hàng tồn kho	322.899.553.128	
Cổ phiếu	163.053.429.957	
Tài sản cố định hữu hình	427.353.482.965	
Cộng	913.306.466.050	

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31 tháng 03 năm 2015 và vào ngày 01 tháng 07 năm 2014.

5. **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản đầu tư trồng mía) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, các cá nhân và các tổ chức nhận đầu tư phải có điều kiện đảm bảo khoản nhận đầu tư theo qui định và nhân viên kế toán công nợ, nhân viên nông vụ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Tập đoàn liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Tập đoàn nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

6. **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 kết thúc ngày 30/06/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm				
Vay và nợ	780.246.617.712	172.266.723.155	-	952.513.340.867
Phải trả cho người bán	85.678.107.846	-	-	85.678.107.846
Các khoản phải trả khác	70.915.976.763	-	-	70.915.976.763
Cộng	936.840.702.321	172.266.723.155	-	1.109.107.425.476
Số đầu năm				
Vay và nợ	772.672.822.036	183.962.620.249	-	956.635.442.285
Phải trả cho người bán	85.897.863.210	-	-	85.897.863.210
Các khoản phải trả khác	102.122.456.184	-	-	102.122.456.184
Cộng	960.693.141.430	183.962.620.249	-	1.144.655.761.679

Tập đoàn cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Tập đoàn không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 kết thúc ngày 30/06/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do Tập đoàn nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

8. Thông tin khác

Kết quả hoạt động kinh doanh Quý này năm nay (Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015) so với Quý này năm trước (01/01/2014 đến 31/03/2014)

Chỉ tiêu	Quý III (Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015)	Cùng kỳ năm trước (Từ 01/01/2014 đến 31/03/2014)	Biến động (+,-)	Tỷ lệ (%)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	47.539.704.997	64.092.649.698	(16.552.944.701)	(25,8)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(44.629.816.279)	30.753.498.992	(75.383.315.271)	(245,1)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	(43.157.267.369)	33.772.476.512	(76.929.743.881)	(227,8)

Các nguyên nhân ảnh hưởng đến sự biến động:

- Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ Quý III từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015 giảm so với cùng kỳ năm trước là 16.552.944.701 VND, tương đương giảm 25,8%; nguyên nhân do giá bán thành phẩm đường thấp hơn so với cùng kỳ năm trước, doanh thu hoạt động tài chính thấp, chi phí tài chính cao hơn cùng kỳ năm trước là do thanh lý khoản đầu tư vào công ty liên kết.
- Lợi nhuận trước thuế Quý III từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015 giảm so với cùng kỳ năm trước là 76.929.743.881 VND, tương đương giảm 227,8%, biến động giảm cùng chiều với lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Ninh Hòa, ngày 14 tháng 05 năm 2015

Nguyễn Thị Như Hiếu
Người lập biểu

Ngô Thị Thu Trang
Kế toán trưởng

Võ Thị Thủy Tiên
Giám đốc tài chính



Trần Kim Dũng
Tổng Giám đốc